

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 65/2016/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 21 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định giá dịch vụ sử dụng cảng cá,
dịch vụ sử dụng bến, bãi tại các cảng cá
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: S.....
Ngày: 31/12/16.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; (viết hoa)

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5966/TTr-STC ngày 16 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định giá dịch vụ sử dụng cảng cá, giá dịch vụ sử dụng bến, bãi tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Quyết định này áp dụng đối với Ban Quản lý Cảng cá; các tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Giá dịch vụ sử dụng cảng cá, dịch vụ sử dụng bến, bãi tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh Bến Tre

1. Mức thu: (đã bao gồm các khoản thuế, phí theo quy định)

a) Giá dịch vụ sử dụng cảng cá:

- Đối với tàu thuyền đánh cá cập cảng, mức thu cho 1 lần vào hoặc ra cảng:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Có công suất dưới 20CV	Đồng/lần	10.000	
2	Có công suất từ 20CV đến 50CV	Đồng/lần	20.000	
3	Có công suất trên 50CV đến 90CV	Đồng/lần	30.000	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
4	Có công suất trên 90CV đến 200CV	Đồng/lần	45.000	
5	Có công suất trên 200CV đến 400CV	Đồng/lần	75.000	
6	Có công suất trên 400CV	Đồng/lần	100.000	

- Đối với tàu thuyền vận tải cập cảng, mức thu cho 1 lần vào hoặc ra cảng:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/lần	15.000	
2	Có trọng tải từ 5 tấn đến 10 tấn	Đồng/lần	30.000	
3	Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn	Đồng/lần	75.000	
4	Có trọng tải trên 100 tấn	Đồng/lần	120.000	

- Đối với phương tiện vận tải, mức thu cho 1 lần vào hoặc ra cảng:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng	Đồng/lần	2.000	
2	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	Đồng/lần	10.000	
3	Phương tiện có trọng tải từ 1 tấn đến 2,5 tấn	Đồng/lần	15.000	
4	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 tấn đến 5 tấn	Đồng/lần	25.000	
5	Phương tiện có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn	Đồng/lần	30.000	
6	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn và các loại xe chuyên dùng khác	Đồng/lần	40.000	

- Đối với hàng hoá qua cảng, mức thu cho 1 lần vào hoặc ra cảng:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Tôm, mực, ghẹ	Đồng/tấn	20.000	
2	Cá ăn, nghêu, sò	Đồng/tấn	15.000	
3	Cá phân, cá mắm, ruốc	Đồng/tấn	10.000	
4	Hàng hoá khác	Đồng/tấn	5.000	

b) Giá sử dụng bến, bãi (sử dụng mặt bằng trên cảng, mức thu cho 01 m²/ tháng):

- Mặt bằng phục vụ sản xuất:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Cơ khí tàu thuyền, lắp ráp ngư cụ	Đồng/m ²	10.000	
2	Dịch vụ xăng dầu, sản xuất nước đá	Đồng/m ²	8.000	

- Mặt bằng kinh doanh dịch vụ (thu mua, sơ chế, bảo quản):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Nhà phân loại	Đồng/m ²	30.000	
2	Từ đường chính vào 5m	Đồng/m ²	20.000	
3	Sau 5m đến 15m tiếp theo	Đồng/m ²	15.000	
4	Cách đường chính trên 20m	Đồng/m ²	10.000	

Các dịch vụ khác:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Từ đường chính vào 5m	Đồng/m ²	15.000	
2	Sau 5m đến 15m tiếp theo	Đồng/m ²	12.000	
3	Cách đường chính trên 20m	Đồng/m ²	10.000	

- Mặt bằng ngoài khuôn viên cảng cá (áp dụng cho Cảng cá Thạnh Phú):
6.000 đồng/m².

c) Các trường hợp khác

Nếu phương tiện vận tải thủy bộ thường xuyên sử dụng cảng cá, có nhu cầu nộp giá theo tháng, quý, năm cho từng loại phương tiện tương ứng (nộp từ ngày 01 đến ngày 05 đầu tháng, quý, năm) thì được giảm giá như sau:

Giảm 30% nếu nộp theo tháng.

Giảm 40% nếu nộp theo quý.

Giảm 50% nếu nộp theo năm.

Mức tính giá cho 1 tháng đối với phương tiện vận tải thủy, bộ đăng ký nộp giá theo tháng, quý, năm được tính, như sau: Mức giá/tháng bằng mức giá cho 1 lượt/ngày x 30 ngày/tháng cho từng loại phương tiện tương ứng.

2. Chính sách áp dụng cho Cảng cá Thạnh Phú:

Đối với các cơ sở sử dụng bến, bãi để đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sẽ được miễn giảm giá sử dụng bến, bãi (thời gian áp dụng kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng). Cụ thể như sau:

Miễn thu giá sử dụng bến, bãi trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 12 tháng.

Trong 2 năm đầu tiên giảm 70%.

Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5 giảm 50%..

Từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 giảm 30%.

Từ năm thứ 11 trở đi thu đủ 100% theo quy định hiện hành.

3. Ban Quản lý Cảng cá có trách nhiệm: Ký kết hợp đồng cho thuê mặt bằng và các dịch vụ sử dụng cảng cá, bến, bãi với các tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cảng cá; thu, quản lý, sử dụng nguồn thu và thực hiện hạch toán kế toán thu được từ dịch vụ sử dụng cảng cá, dịch vụ sử dụng bến, bãi theo quy định hiện hành của nhà nước về kế toán, thống kê.

Điều 3. Quản lý và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ sử dụng cảng cá, dịch vụ sử dụng bến, bãi

Các nguồn thu được quy định tại Quyết định này là nguồn thu dịch vụ của đơn vị, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Cao Văn Trọng

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL –BTP (kiểm tra);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Website Chính Phủ, Cổng TTĐT tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Đài PT-TH, Báo Đồng Khởi;
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- N/c TCĐT, TH, TTTTĐT;
- Lưu: VT.